TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VT** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2021/HNGĐ - ST
Ngày 24 tháng 03 năm 2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tôn Thiết

Ông Phùng Văn Thông

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Xuân Chín – Cán bộ Toà án nhân dân huyện VT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT tham gia phiên toà: Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 356/2020/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:15/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hạ Phi Tr, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 1 xã VS, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1987

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 1 xã VS, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc; chỗ ở hiện nay: Xóm S, xã NH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Hạ Văn X, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Chị Kim Thị Đ, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đều ở thôn 1 xã VS, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

Chị Hạ Thị L, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn HT, xã BD, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã NH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

Chị Lê Thị An, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn CV, xã NH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/10/2020 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn anh Hạ Phi Tr trình bày: Trước khi anh kết hôn với chị Lê Thị T anh có biết chị T đã có chồng có con nhưng chồng bị tai nạn chết. Tháng 4/2018 anh kết hôn với chị T khi cưới có đăng ký tại UBND xã VS, cưới xong chị T về ở chung với gia đình anh đến tháng 03/2019 vợ chồng ra ăn riêng nhưng vẫn ở chung nhà với gia đình, tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Tháng 07/2018 vợ chồng sẩy ra mâu thuẫn nguyên nhân vì chị T có tính hay ghen, nghi ngờ anh có quan hệ trai gái nhưng anh không có quan hệ với ai, chị cấm anh không được đi uống rượu với bạn bè và không tôn trọng gia đình anh. Giữa chị T và bố mẹ anh có mâu thuẫn do ý ăn ý ở với nhau, tháng 01/2020 anh bị bệnh thoát vị đĩa đệm không bế con được nhưng chị T lại bắt anh trông con, sau đó hai vợ chồng sẩy ra cãi chửi nhau anh có tát và đuổi chị T về nhà bố mẹ đẻ ở. Sau đó bố anh nói chị T "mày cút ra khỏi nhà tao" nên chị bỏ về nhà bố mẹ ở ngày 24/4/2020 (âm lịch) vợ chồng sống ly thân từ đó. Trong thời gian sống ly thân chị T và gia đình có đến gia đình anh xin lỗi để vợ chồng về Đ tụ nhưng anh và gia đình không đồng ý, nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn với chị T.

Bị đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị thừa nhận anh Tr trình bày đúng về thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn là vì kinh tế không có anh Tr có quan hệ trai gái. Anh Tr bị bệnh thoát vị đĩa đệm không làm gì, không trông con còn chị vừa may bao tải vừa phải trông con nên hai bên sẩy ra nói nhau. Sau anh Tr chửi và ném dép vào người chị, anh tát vào mặt chị còn bố mẹ anh thì chửi đuổi chị ra khỏi nhà, nên chị về mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 03/2020. Trong thời gian sống ly thân chị và gia đình có đến gia đình anh để xin lỗi cho chị về sống cùng anh Tr, nhưng anh Tr và gia đình không đồng ý nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Tr xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Anh Tr chị T thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Hạ Hồng Ngọc, sinh ngày 22/01/2019 hiện nay cháu đang ở với anh Tr. Ly hôn anh Tr

chị T thoả thuận để cháu Ngọc cho anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng, anh Tr không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung chị T đồng ý.

Về tài sản chung: Anh Tr chị T thừa nhận có 01 chiếc tủ lạnh nhãn hiệu AQUA; 01 bộ bếp ga + bình; 01 đôi loa thùng nhãn hiệu JBL của trung quốc; 01 chiếc máy khâu công nghiệp; 01 chiếc giường đôi bằng gỗ xoan; 01 chiếc đệm, 01 chiếc máy bắn vít; 01 chiếc máy mài và 25 mét dây điện. Những tài sản trên hiện nay anh Tr đang quản lý sử dụng, ly hôn chị T tự nguyện để số tài sản trên cho anh Tr sử dụng không yêu cầu anh phải thanh toán chênh lệch tài sản anh Tr đồng ý. Đối với 01 chiếc điện thoại Sam Sung chị T đang sử dụng và 01 chiếc điện thoại VIVO anh Tr đang quản lý (đã hỏng), ly hôn anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Tại phiên toà anh Tr và chị T không yêu cầu Toà án giải quyết về phần tài sản chung của hai vợ chồng nữa.

Về công nợ: Anh Tr chị T thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị T (mẹ chị T) 5.000.000đ, chị Lê Thị An (chị gái chị T) 5.000.000đ, chị Kim Thị Đ (chị dâu anh Tr) 3.000.000đ, chị Hạ Thị L (chị gái anh Tr) 3.000.000đ, ông Hạ Văn X (bố anh Tr) 6.000.000đ. Ly hôn anh Tr chị T thoả thuận anh Tr chịu trách nhiệm trả nợ cho ông X, chị Đ, chị L số nợ còn lại của bà T, chị An chị T chịu trách nhiệm trả nợ.

Về tài sản riêng, khoản có, công sức và đất canh tác: Anh Tr chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà là mẹ của chị Lê Thị T, trước khi chị T lấy anh Tr thì gia đình bà có nói cho anh Tr và gia đình anh biết về điều kiện hoàn cảnh của chị T là đã có chồng có con nhưng chồng chết, anh Tr và gia đình không có ý kiến gì. Sau đó anh chị kết hôn với nhau và có đăng ký tại UBND xã VS, sau khi cưới chị T về ở chung với gia đình anh Tr được một thời gian thì anh chị ra ăn riêng nhưng vẫn ở chung nhà với gia đình, tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là do anh Tr tát chị T, bố mẹ anh Tr đuổi chị T đi nên chị bỏ về nhà bà ở. Sau khi chị T về gia đình bà ở thì gia đình bà và chị T có đến gia đình anh Tr nói chuyện, bà bắt chị T quỳ xuống xin lỗi bố mẹ chồng để vợ chồng về ở với nhau nhưng anh Tr và gia đình không đồng ý. Nay anh Tr xin ly hôn chị T bà đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật. Chị T anh Tr có 01 con chung là cháu Hạ Hồng Ngọc, sinh năm 2019 hiện nay cháu đang ở với anh Tr, nay bà không có ý kiến gì do anh chị quyết định. Bà không biết anh chị có những tài sản gì chung nhau.

Về công nợ: Khoảng tháng 3/2020 anh Tr có hỏi vay tiền của bà để đi chữa bệnh đau lưng nên bà cho anh vay 5.000.000đ, khi cho vay hai bên không có giấy

tờ gì và không tính lãi X. Anh Tr vẫn chưa trả cho bà số tiền nợ trên, nay anh Tr xin ly hôn chị T bà yêu cầu anh Tr phải trả cho bà số tiền còn nợ và không yêu cầu tính lãi, bà là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có yêu cầu độc lập.

Chị Lê Thị An trình bày: Chị là chị gái của chị T, khoảng tháng 12/2019 anh Tr có hỏi vay tiền của chị nên chị cho anh Tr vay 5.000.000đ và không tính lãi. Khi vay hai bên không có giấy tờ gì chỉ trao đổi bằng miệng, chị cho anh Tr vay tiền chị T có biết còn anh Tr vay để chi tiêu việc gì chị không biết. Anh Tr chưa trả cho chị số tiền trên, nay anh Tr xin ly hôn chị T chị yêu cầu anh Tr phải trả cho chị số tiền nợ và không yêu cầu tính lãi, chị là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có yêu cầu độc lập.

Tại phiên toà ông Hạ Văn X vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2021 ông X trình bày: Ông là bố của anh Tr, anh Tr chị T kết hôn với nhau tháng 3/2018 trước khi cưới có được tìm hiểu và đăng ký tại UBND xã VS, cưới xong chị T về ở chung với gia đình ông 01 năm thì gia đình cho anh chị ra ăn riêng nhưng vẫn ở chung nhà. Quá trình chung sống do chị T có tính ghen với anh Tr, anh Tr bị bệnh đau lưng nên vay tiền của ông để đi chữa bệnh, tiền thì tiêu hết mà bệnh vẫn chưa khỏi và kinh tế của hai vợ chồng không có nên sẩy ra mâu thuẫn nói cãi nhau. Tháng 3/2020 anh chị nói nhau sau chị T mang quần ra nên ông nói "thế mày có cái gì thì mang đi hết và không được quay lại nữa" nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Chị T về nhà bố mẹ đẻ ở được một thời gian thì chị và gia đình có sang nhà ông để xin lỗi cho chị T về ở với anh Tr, nhưng ông và anh Tr không đồng ý. Nay anh Tr xin ly hôn chị T ông đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Anh Tr chị T có 01 con chung là cháu Hạ Hồng Ngọc, sinh ngày 22/01/2019 nay cháu Ngọc đang ở với anh Tr và gia đình ông, ly hôn về con chung do anh chị quyết định nếu chị T không nuôi cháu Ngọc thì gia đình ông xin nuôi. Về tài sản chung như anh chị trình bày là đúng, còn 01 chiếc giường ông mua cho anh chị trước khi cưới, nay ông cho anh chị chiếc giường đó và không có ý kiến gì.

Về công nợ: Tháng 3/2020 anh chị có vay của ông 6.000.000đ để anh Tr đi chữa bệnh đau lưng, khi cho vay không có giấy tờ gì và không tính lãi X vì là bố con với nhau. Anh chị vẫn chưa trả cho ông số tiền trên, nay ông yêu cầu anh Tr phải trả cho ông số tiền còn nợ và không yêu cầu tính lãi, ông là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có yêu cầu độc lập. Về công sức, trong thời gian chị T ở chung với gia đình ông không cùng gia đình mua sắm kiến thiết gì nên không có công sức. Do sức khỏe không tốt nên ông X đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt (ông X có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Chị Kim Thị Đ vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2021 chị Đ trình bày: Chị là chị dâu của anh Tr, ngày 02/3/2020 anh Tr chị T hỏi vay của chị 3.000.000đ để làm ăn. Khi cho vay hai bên không có giấy tờ gì và không tính lãi suất, anh Tr chị T vẫn chưa trả cho chị số tiền còn nợ, nay anh Tr xin ly hôn chị T chị yêu cầu hai anh chị phải trả cho chị số tiền trên và không yêu cầu tính lãi. Chị là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có yêu cầu độc lập, do bận công việc nên chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt (chị Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Chị Hạ Thị L vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2021 chị L trình bày: Chị là chị gái của anh Tr, tháng 3/2020 chị T xuống gia đình chị hỏi vay tiền nên chị cho chị T vay 3.000.000đ, khi cho vay không có giấy tờ gì và không tính lãi X. Nay anh Tr xin ly hôn chị T chị yêu cầu chị T phải trả cho chị số tiền còn nợ và không yêu cầu tính lãi, chị là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có yêu cầu độc lập. Do bận công việc nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt (chị L có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện VT phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị căn cứ Điều 27, 37, 55, 60, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Cho anh Hạ Phi Tr được ly hôn với chị Lê Thị T.

Về con chung: Giao cho anh Hạ Phi Tr tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hạ Hồng Ngọc, sinh ngày 22/01/2019 anh Tr không yêu cầu chị Lê Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đề nghị chia tài sản chung của anh Hạ Phi Tr và chị Lê Thị T.

Về công nợ: Giao cho anh Hạ Phi Tr chịu trách nhiệm trả nợ chị Kim Thị Đ 3.000.000đ, chị Hạ Thị L 3.000.000đ, ông Hạ Văn X 6.000.000đồng. Giao cho chị Lê Thị T chịu trách nhiệm trả nợ bà Nguyễn Thị T 5.000.000đ, chị Lê Thị An 5.000.000đồng.

Về án phí: Anh Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Anh Hạ Phi Tr có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện VT giải quyết việc ly hôn của anh và chị Lê Thị T theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VT.

Về sự vắng mặt của ông X, chị Đ, chị L đã có lời khai và có đơn xin giải quyết vắng mặt, vì vậy căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự trên.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2018 anh Hạ Phi Tr kết hôn với chị Lê Thị T trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu có đăng ký kết hôn là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có 01 con chung, trong quá trình chung sống do chị T nghi ngờ lòng chung thuỷ của anh Tr, giữa chị T và bố mẹ anh Tr có mâu thuẫn do ý ăn ý ở với nhau. Mặt khác anh Tr bị bệnh thoát vị đĩa đệm không làm được nên kinh tế gia đình khó khăn, từ đó vợ chồng sẩy ra mâu thuẫn nói cãi, chửi nhau anh Tr tát chị T, bố anh Tr đuổi chị về mẹ đẻ ở nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 03/2020. Trong thời gian sống ly thân chị T và gia đình có đến gia đình anh Tr xin lỗi để vợ chồng về Đ tụ, nhưng anh Tr và gia đình không đồng ý. Điều đó chứng tỏ rằng tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể duy trì, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được. Nay hai anh chị đều đồng ý ly hôn, vì vậy căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận sự thoả thuận của anh chị là phù hợp.

[2]. Về con chung: Anh Tr chị T có 01 con chung là cháu Ngọc hiện nay cháu còn nhỏ (mới hơn 02 tuổi) đang ở với anh Tr, ly hôn anh Tr xin nuôi cháu Ngọc chị T đồng ý. Xét thấy cháu Ngọc chưa đủ 36 tháng tuổi theo khoản 3 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình quy định "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi.....". Nhưng kể từ khi anh Tr chị T sống ly thân (từ tháng 3/2020) cho đến nay thì cháu Ngọc vẫn ở với anh Tr, cháu khoẻ mạnh và phát triển bình thường vì vậy căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận sự thoả thuận về việc giao nuôi con của anh chị là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con anh Tr không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án ban đầu anh Tr chị T có đề nghị giải quyết về tài sản, nhưng sau đó anh chị lại thoả thuận với nhau là giao cho anh Tr quản lý sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng, chị T tự nguyện không yêu cầu anh Tr phải thanh toán chênh lệch tài sản. Tại phiên toà anh Tr và chị T đều không yêu cầu Toà án giải quyết về phần tài sản chung nữa. Do vậy căn cứ vào

khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đề nghị chia tài sản chung của anh Tr và chị T.

[4]. Về công nợ: Chấp nhận số nợ anh Tr, chị T khai thống nhất còn nợ bà T, ông X, chị An, chị Đ, chị L tổng cộng là 22.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà T, ông X, chị An, chị Đ, chị L không yêu cầu anh Tr chị T phải trả khoản tiền lãi. Còn về phương thức trả nợ thì các bên lại không thống nhất được với nhau, tuy nhiên những người cho chị T, anh Tr vay tiền thì họ đều không có yêu cầu độc lập. Tại phiên toà anh Tr, chị T, bà T, chị An đều thoả thuận và đề nghị Toà án ghi nhận việc trả nợ là anh Tr trả nợ cho ông X, chị L và chị Đ. Chị T trả nợ cho bà T và chị An vì vậy nên chấp nhận sự thoả thuận của các bên là phù hợp.

[5]. Về tài sản riêng, khoản có, công sức và đất canh tác: Anh Tr chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Hạ Phi Tr là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 60, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho Anh Hạ Phi Tr được ly hôn với chị Lê Thị T.

Về con chung: Anh Hạ Phi Tr tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hạ Hồng Ngọc, sinh ngày 22/01/2019 (cháu Ngọc hiện nay đang ở với anh Tr), anh Tr không yêu cầu chị Lê Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đề nghị chia tài sản chung của anh Hạ Phi Tr và chị Lê Thị T.

Về công nợ: Giao cho anh Hạ Phi Tr chịu trách nhiệm trả nợ chị Kim Thị Đ 3.000.000đ (ba triệu đồng), chị Hạ Thị L 3.000.000đ (ba triệu đồng), ông Hạ Văn X 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Giao cho chị Lê Thị T chịu trách nhiệm trả nợ bà Nguyễn Thị T 5.000.000đ (năm triệu đồng), chị Lê Thị An 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Về tài sản riêng, khoản có, công sức và đất canh tác: Anh Hạ Phi Tr và chị Lê Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Hạ Phi Tr phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005255 ngày 23/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VT, anh Tr đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hạ Văn X, chị Kim Thị Đ, chị Hạ Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện VT;
- CCTHADS huyện VT;
- Các đương sự;
- UBND xã VS;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Minh Bình